Đơn vị chủ quản: Bộ Y tế

Mẫu số 09c-CK/TSC

Đơn vị sử dụng tài sản: Viện Huyết học - Truyền máu TW

Mã đơn vị:

Loại hình đơn vị:

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2019

TT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn Ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**Đất**													
II	**Nhà**													
III	**Xe ô tô**													
1	Xe lấy máu chuyên dụng Hyundai - 31A7338	P. QT	1	6.222.652	6.222.652		-		X					
2	Xe lấy máu chuyên dụng Hyundai - 31A7343	P. QT	1	6.222.652	6.222.652		-		X					
3	Xe lấy máu chuyên dụng Hyundai - 31A7333	P. QT	1	6.222.652	6.222.652		-		X					
4	Xe lấy máu chuyên dụng Hyundai - 31A7305	P. QT	1	6.222.652	6.222.652		-		X					
5	Ô tô cứu thương Hyundai - 29M732	P. QT	1	688.500	688.500		275.400		X					
6	Ô tô Toyota Prado -29M 00496	P. QT	1	314.321	314.321		-		X					
7	Xe vận chuyển máu chuyên dụng Hyundai- 31A7665	P. QT	1	833.118	833.118		33.324		X					
8	Xe vận chuyển máu chuyên dụng Hyundai - 31A7629	P. QT	1	833.118	833.118		33.324		X					

TT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn Ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
9	Xe vận chuyển máu chuyên dụng Hyundai - 31A7633	P. QT	1	833.118	833.118		33.324		X					
10	Xe vận chuyển máu chuyên dụng Hyundai - 31A7654	P. QT	1	833.118	833.118		33.324		X					
11	Xe vận chuyển máu chuyên dụng Hyundai - 31A7632	P. QT	1	833.118	833.118		33.324		X					
12	Xe công tác cứu thương Toyota - Land cruiser 31A6887	P. QT	1	458.750	458.750		-		X					
13	Xe công tác Toyota - Land cruiser - 29A04262	P. QT	1	2.321.730	2.321.730		-		X					
14	Xe công tác Toyota - Land cruiser - 29A04288	P. QT	1	2.321.730	2.321.730		-		X					
15	Xe lấy máu chuyên dụng Hyundai - 29A04172	P. QT	1	3.070.437	3.070.437		-		X					
16	Xe lấy máu chuyên dụng Hyundai - 29A04279	P. QT	1	3.070.437	3.070.437		-		X					
17	Xe minibus Hiace Toyota - 29A04232	P. QT	1	1.395.321	1.395.321		-		X					
18	Xe minibus Hiace Toyota - 29A04230	P. QT	1	1.395.321	1.395.321		-		X					
19	Xe minibus Hiace Toyota - 29A04293	P. QT	1	1.395.321	1.395.321		-		X					
20	Xe ô tô cứu thương - Toyota Hiace - 29A- 04191	P. QT	1	1.199.100	1.199.100		959.280		X					
IV	**Tài sản cố định khác**								X					
1	Hệ thống Elisa tự động	P.VTTBYT	1	1.568.550	1.568.550		-		X					

TT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn Ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2	Hệ thống Elisa tự động	P.VTTBYT	1	1.687.112	1.687.112		-		X					
3	Máy định nhóm máu tự động	P.VTTBYT	1	3.377.377	3.377.377		-		X					
4	Máy định nhóm máu tự động sàng lọc	K.XNSL	1	12.736.325	12.736.325		-		X					
5	Hệ thống phân tích tế bào dòng chảy	NHTBG	1	2.398.000	2.398.000		-		X					
6	Máy nội soi Video	K.CĐHA&TDCN	1	946.500	946.500		-		X					
7	Hệ thống TCS Procleix	P.VTTBYT	1	2.216.367	2.216.367		-		X					
8	Máy điện di mao quản	K.MD	1	848.000	848.000		-		X					
9	Máy đông máu ACL	P.VTTBYT	1	546.735	546.735		-		X					
10	Máy đo độ dính đàn hồi	P.VTTBYT	1	617.000	617.000		-		X					
11	Máy ngưng tập tiểu cầu	K.ĐM	1	556.200	556.200		-		X					
12	Máy khuyếch đại gen	K.DT	1	972.500	972.500		-		X					
14	Máy ly tâm lạnh túi máu (08 cái)	K.ĐCCTPM	8	5.346.984	5.346.984		-		X					
15	Máy phân tích chức năng tiểu cầu	K.ĐM	1	657.000	657.000		-		X					
18	Máy tách tế bào tự động (HT, TC) (3 cái)	K. BMTH (2) NHRBG (1)	3	1.910.421	1.910.421		-		X					
19	Máy xử lý tế bào máu tự động	K.SX	1	1.560.036	1.560.036		-		X					
21	Máy xét nghiệm MDH phát quang tự động	K.SH	1	1.697.000	1.697.000		-		X					

TT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn Ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
22	Máy siêu âm màu 3 chiều	K.CĐHA&TDCN	1	988.035	988.035		-		X					
23	Hệ thống máy cấy máu tự động	K.VS	1	1.198.050	1.198.050		-		X					
24	Máy định danh vi khuẩn	K.VS	1	1.745.000	1.745.000		87.250		X					
25	Máy thở không xâm nhập	K.KB	1	699.925	699.925		34.996		X					
26	Phần mềm công thức nhiễm sắc thể	K.DT	1	687.311	687.311		34.365		X					
27	Hệ thống phân tích di truyền đa năng	K.DT	1	4.735.000	4.735.000		828.625		X					
28	Hệ thống tăng hạ nhiệt độ theo chương trình	NHTBG	1	859.600	859.600		150.430		X					
29	Máy Xquang kỹ thuật số	K.CĐHA&TDCN	1	2.889.600	2.889.600		505.680		X					
30	Máy phân tích máu tự động	K.ĐM	1	1.796.500	1.796.500		314.387		X					
31	Máy xét nhiệm sinh học phân tử Real time PCR	K.DT	1	1.400.000	1.400.000		245.000		X					
32	Máy xét nghiệm Hemoglobin bất thường	K.MD	1	2.398.000	2.398.000		419.650		X					
33	Thiết bị tách và xử lý Tế bào gốc tự động	NHTBG	1	2.787.750	2.787.750		487.856		X					
34	Hệt hống quản lý thông tin kết nối xét nghiệm	P.CNTT	1	594.540	594.540		74.317		X					
35	Máy phân tích tế bào dòng chảy	K.MD	1	4.820.000	4.820.000		1.446.000		X					

TT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn Ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
36	Kính hiển vi có kết nối TV camera để truyền hình	K.TBTCH	1	831.600	831.600		249.480		X					
37	Máy xử lý mô kèm theo hệ thống hút chân không	K.TBTCH	1	1.797.400	1.797.400		539.220		X					
38	Máy vùi mô	K.TBTCH	1	611.600	611.600		183.480		X					
39	Máy ngưng tập và phân tích chức năng tiểu cầu	K.ĐM	1	962.000	962.000		288.600		X					
40	Máy thở không xâm nhập	K.GTBG	1	516.600	516.600		154.980		X					
41	Hệ thống Workstation dùng cho lập sơ đồ nhiễm sắc thể	K.DT	1	740.000	740.000		222.000		X					
42	Máy đông lạnh nhanh huyết tương	K.LTPPM	1	1.045.000	1.045.000		313.500		X					
43	Hệ thống tăng hạ nhiệt độ theo chương trình	NHTBG	1	979.200	979.200		416.160		X					
44	Máy cắt tiêu bản sinh thiết tủy xương tự động	K.TBTCH	1	889.000	889.000		377.825		X					
45	Bình lưu trữ mẫu > 800 vị trí(không có phụ kiện kèm trong bình: Giá inox, bộ dịch chuyển mẫu..)	NHTBG	1	799.000	799.000		539.325		X					
46	Máy nhuộm tiêu bản sinh tiết		1	1.848.600	1.848.600		1.247.805		X					
47	Máy nhuộm tiêu bản hóa mô miễn dịch	K.TBTCH	1	2.196.000	2.196.000		1.537.200		X					
48	Thiết bị nâng cấp hệ thống kỹ thuật số X- Quang	K.CĐHA&TDCN	1	1.188.000	1.188.000		801.900		X					
49	Máy ly tâm lạnh tách thành phần máu cỡ lớn (12 lít)	K.ĐCCTPM	1	1.148.500	1.148.500		775.237		X					

TT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn Ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
50	Máy ly tâm lạnh tách thành phần máu cỡ lớn (12 lít)	K.ĐCCTPM	1	1.148.500	1.148.500		775.237		X					
51	Máy ly tâm lạnh tách thành phần máu (4 lít)	NHTBG	1	689.670	689.670		465.527		X					
52	Hệ thống dò tìm nhiễm sắc thể tự động	K.DT	1	7.563.490	7.563.490		4.727.181		X					
53	Bàn mổ đa năng	K.GTBG	1	560.000	560.000		378.000		X					
54	Máy gây mê kèm thở	K.GTBG	1	668.000	668.000		450.900		X					
55	Máy đông lạnh nhanh huyết tương	K.ĐCCTPM	1	1.220.000	1.220.000		823.500		X					
56	Máy đông lạnh nhanh huyết tương	K.LTPPM	1	1.220.000	1.220.000		823.500		X					
57	Bình lưu trữ mẫu (đã bao gồm phụ kiện kèm trong bình: Giá inox, bộ dịch chuyển mẫu...)	NHTBG	1	1.090.000	1.090.000		735.750		X					
58	Máy phân tích băng DNA/RNA bằng điện di mao quản	K.DT	1	1.499.500	1.499.500		1.012.162		X					
59	Máy điện di tự động	K.MD	1	1.148.460	1.148.460		775.210		X					
60	Mày siêu âm màu Dopler	K.CĐHA&TDCN	1	1.948.000	1.948.000		1.314.900		X					
61	Máy định nhóm máu tự động sàng lọc		1	14.700.000	14.700.000		11.760.000		X					
62	Máy ly tâm lạnh túi máu ≥ 12 túi	K.ĐCCTPM	1	1.185.000	1.185.000		948.000		X					
63	Máy ly tâm lạnh túi máu ≥ 12 túi	K.ĐCCTPM	1	1.185.000	1.185.000		948.000		X					

TT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn Ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
64	Máy ly tâm lạnh túi máu ≥ 12 túi	K.ĐCCTPM	1	1.185.000	1.185.000		948.000		X					
65	Máy ly tâm lạnh túi máu ≥ 12 túi	K.ĐCCTPM	1	1.185.000	1.185.000		948.000		X					
66	Máy tách tế bào gốc từ tính	NHTBG	1	3.050.000	3.050.000		2.440.000		X					
67	Nồi hấp ướt ≥ 500 lít	K.KSNK	1	659.000	659.000		527.200		X					
68	Máy Realtime – PCR tối thiểu 6 kênh màu 96 giếng độ nhạy cao	K.DT	1	1.949.970	1.949.970		1.559.976		X					
69	Máy nhuộm tiêu bản hóa mô miễn dịch tự động	K.TBTCH	1	2.199.800	2.199.800		1.759.840		X					
70	Máy lắc bảo quản tiểu cầu ≥ 250 túi	K.LTPPM	1	650.000	650.000		520.000		X					
71	Hệ thống chụp cắt lớp điện toán 64 lát/ vòng quay	K.CĐHA&TDCN	1	22.950.000	22.950.000		18.360.000		X					
72	Ống nội soi dạ dày	K.CĐHA&TDCN	1	568.800	568.800		455.040		X					
73	Ống nội soi đại tràng	K.CĐHA&TDCN	1	589.200	589.200		471.360		X					
74	Máy chủ ngân hàng máu và bộ chuyển	P.CNTT	1	863.049	863.049		690.439		X					
75	Máy chủ	P.CNTT	1	653.400	653.400		588.060		X					
76	Máy cắt tiêu bản mảnh sinh thiết kèm Module làm lạnh	K.TBTCH	1	544.900	544.900		490.410		X					
77	Máy làm đông nhanh huyết tương (EAF0433)	K.LTPPM	1	1.300.000	1.300.000		1.170.000		X					
78	Máy làm đông nhanh huyết tương (EAF0434)	K.ĐCCTPM	1	1.300.000	1.300.000		1.170.000		X					

TT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn Ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
79	Tủ phân lập cách ly pha chê thuốc	K.Dược	1	598.950	598.950		539.055		X					
80	Hệ thống đun nước nóng (4 MODULE) ≥ 6.000 lít/giờ	P.VTTBYT	1	2.158.297	2.158.297		1.726.638		X					
81	Hệ thống tách mẫu AND/ARN tự động, 24 vị trí gồm:	K.DT		1.799.400	1.799.400		1.619.460		X					
82	Hệ thống chụp X-Quang tổng hợp kỹ thuật số tấm cảm biến (DR)	K.CĐHA&TDCN	1	2.682.750	2.682.750		2.682.750		X					
83	Máy siêu âm màu xách tay 2 đầu dò	K.CĐHA&TDCN	1	992.250	992.250		992.250		X					
84	Máy lắc và tủ bảo quản tiểu cầu	K.TLPPM	1	1.389.742	1.389.742		1.389.742		X					
85	Máy rửa hồng cầu tự động	K.XNSL	1	895.220	895.220		895.220		X					
86	Tủ lạnh âm sâu -80^{0}C	K.XNSL	1	500.000	500.000		500.000		X					
87	Tủ lạnh âm sâu -80^{0}C	NHTBG	1	500.000	500.000		500.000		X					
88	Máy tách dòng tế bào tự động (Auto MACS Pro Separator, MACS)	K.DT	1	2.539.900	2.539.900		2.539.900		X					
89	Máy nhuộm tế bào tự động HE	K.TBTCH	1	1.330.000	1.330.000		1.330.000		X					
90	Kính hiển vi đảo ngược có Camera chụp ảnh (gồm cả máy tính)	K.DT	1	568.000	568.000		568.000		X					

TT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn Ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
91	Kính hiển vi có gắn Camera kèm phần mềm đo kích thước hồng cầu	K.TBTCH	1	898.600	898.600		898.600		X					
92	Máy phân mảnh AND (ADN)	K.DT	1	1.198.850	1.198.850		1.198.850		X					
93	Máy xử lý mô	K.TBTCH	1	748.000	748.000		748.000		X					

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2020

Người lập biểu **Viện trưởng**

Nguyễn Phương Liên **Bạch Quốc Khánh**